

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 5- 2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**

2. Ông **Thạch Khêm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2018/TLST-HNGĐ, ngày 23/4/2018, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14/5/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1987, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu L**, sinh năm 1991, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp Tân Thành Đ, xã Tân H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2018, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Vào ngày 25/10/2013, anh có xác lập quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Thị Thu L và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 12/7/2014 hiện đang sống với chị Thu L.

Về tài sản chung: Có 25 chỉ vàng 24 kr do chị L đang quản lý.

Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do tính tình anh và chị L không hợp nhau, luôn bất đồng ý kiến, quan điểm sống của nhau luôn trái ngược, nhiều sự việc xảy ra trong cuộc sống vợ chồng anh không tìm được tiếng nói chung nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay.

Nay anh Nguyễn Minh T yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Thị Thu L; Về con chung: Anh Nguyễn Minh T đồng ý cho chị Nguyễn Thị Thu L được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 12/7/2014, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Anh T đồng ý cho chị Thu L hưởng toàn bộ 25 chỉ vàng 24 Kr mà chị L đang quản lý và không yêu cầu chị L hoàn lại $\frac{1}{2}$ số tài sản cho anh hưởng, anh T yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của anh; Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Minh T yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Thu L trình bày:

Chị Thu L thống nhất với anh Nguyễn Minh T về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung như anh T trình bày.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị L thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng tính tình giữa chị và anh T không hợp nhau, luôn bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi nên chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Chị Thu L đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 12/7/2014 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Chị L yêu cầu được hưởng toàn bộ 25 chỉ vàng 24 Kr mà chị đang quản lý và không phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ số vàng cho anh T hưởng, chị yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của chị và anh T; Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thu L yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị Thu L thuận tình ly hôn;

Về con chung: Anh Nguyễn Minh T đồng ý cho chị Nguyễn Thị Thu L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 12/7/2014. Anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng vì chị Nguyễn Thị Thu L không có yêu cầu;

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh T đồng ý cho chị Nguyễn Thị Thu L hưởng toàn bộ 25 chỉ vàng 24 Kr mà chị L đang quản lý và không phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ số vàng cho anh T hưởng;

Về nợ chung: Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị Thu L thống nhất không có.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị Thu L có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị Thu L kết hôn với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên trong thời gian sống chung vợ chồng chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc anh T xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T xác định giữa anh và chị L không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, không còn khả năng hàn gắn, khi anh T và chị L sống ly thân người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau, ai muốn sống ra sao thì sống, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu L cũng đồng ý ly hôn với anh T nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị Thu L.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Minh T đồng ý cho chị Nguyễn Thị Thu L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 12/7/2014 và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị L không có yêu cầu. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh T, chị L.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh T đồng ý cho chị Nguyễn Thị Thu L hưởng toàn bộ 25 chỉ vàng 24 Kt mà chị L đang quản lý. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh T, chị L.

[5] Về nợ chung: Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị Thu L thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 59, Điều 81, 82, 83 và điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị Thu L.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Minh T đồng ý cho chị Nguyễn Thị Thu L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 12/7/2014. Anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Nguyễn Thị Thu L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh T đồng ý cho chị Nguyễn Thị Thu L hưởng toàn bộ 25 chỉ vàng 24 Kr mà chị L đang quản lý. Chị Nguyễn Thị Thu L không phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ số tài sản cho anh T hưởng.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị Thu L thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015449, ngày 23/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, anh Nguyễn Minh T đã nộp đủ án phí. Chị Nguyễn Thị Thu L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Thu L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh

